

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Mai Thị Lý
- Ông Nguyễn Tấn Lập

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Vui – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:*  
Không.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Hà Thị K, sinh năm 1973. CCCD số: 091173007413
- Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1965. CCCD số: 091065011353

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp S, xã H, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Hà Thị K trình bày:**

Về hôn nhân: Bà và ông B lấy nhau do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là UBND xã H). Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 02 con chung tên Võ Hà Phương N, sinh năm 1999 và Võ Hà Triệu P, sinh ngày 16/02/2010. Thời gian chung sống, vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm dành cho nhau không còn nữa. Hai bên đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B để mỗi bên có cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chúng tôi không có thiếu nợ ai.

**\* Bị đơn ông Võ Văn B:**

Ông B thông nhất với trình bày của bà K về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà K.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Bà Hà Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn B; bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã H, tỉnh An Giang. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị K, Hội đồng xét xử nhận định: Bà K và ông B lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn ngày 21/11/2006 tại UBND xã N (nay là UBND xã H). Như vậy, việc kết hôn của ông bà đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần ông bà bất đồng quan điểm, không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, hai bên đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Hơn nữa, việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay bà K xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông B. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Hà Phương N, sinh năm 1999 và Võ Hà Triệu P, sinh ngày 16/02/2010. Bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi con chưa thành niên Võ Hà Triệu P. Xét thấy, tại phiên toà ông B không có yêu cầu muốn được nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của cháu P, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà K.

Bà K không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà K.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

[4]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hà Thị K được ly hôn với ông Võ Văn B.

2. Về con chung:

Giao cho bà Hà Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Võ Hà Triệu P, sinh ngày 16/02/2010 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian bà K nuôi dưỡng con chung, ông B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà Hà Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0012996 ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bà K không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – C Phiên Tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Hòn Đất (để theo dõi);
- Lưu.

**Nguyễn Thị Cúc**